

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2024/DS-ST**

Ngày: 11 - 6 - 2024.

V/v: *Tranh chấp về nợ hui*
giữa bà T với bà L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Tài**
2. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **11** tháng **6** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số **02/2024/TLST-DS** ngày **04** tháng **01** năm **2024** về việc “*Tranh chấp về nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **27/2024/QĐXXST-DS** ngày **24** tháng **4** năm **2024** giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Ngọc T**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Số 446 đường Trần Hưng Đạo, phường S, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn 15, xã Y, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Hồ Thị P**, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Lô 55 CH2A đường Nguyễn Công Trứ, Phường N, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền lập ngày 15 tháng 4 năm 2024. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Vào năm 2021 bà T có tham gia chơi huê do bà L làm chủ, với nhiều dây huê, mỗi phần 5.000.000đ, mỗi tháng khai huê một lần, hàng tháng theo giao kèo bà T đã đóng đầy đủ số tiền huê tương ứng. Đến ngày 17/4/2023 bà T và bà L cùng nhau chốt lại số tiền của các dây huê và ghi thành giấy mượn tiền với số tiền bà L còn nợ bà T là

347.000.000đ và hứa đến tháng 7/2023 sẽ trả trước 120.000.000đ, số còn lại hẹn đến tháng 12/2023 sẽ trả hết cộng với lãi suất theo ngân hàng là 1%/tháng. Nhưng sau đó bà L chỉ trả cho bà T được số tiền 59.210.000đ. Số tiền còn lại bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền còn thiếu là 287.790.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L - Người đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị P trình bày:

Bà L thừa nhận có việc chơi huê với bà T và ngày 17/4/2023 bà L có viết giấy mượn tiền với số tiền vay là 347.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng và hứa đến tháng 7/2023 sẽ trả trước 120.000.000đ, số còn lại hẹn đến tháng 12/2023 sẽ trả hết cộng với lãi suất. Sau đó, con gái của bà L là chị Trần Thị Quỳnh C đã chuyển khoản trả tiền lãi + huê qua tài khoản của bà T tại Ngân hàng Sacombank Bảo Lộc là 109.210.000đ và có nhờ em chồng là bà Trần Thị Thanh K chuyển trả tiền huê 50.000.000đ cho bà T. Vì vậy bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Ngọc T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và Tranh chấp về nợ huê*” đối với bà Nguyễn Thị L. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Vào năm 2021 bà T có tham gia chơi nhiều huê do bà L làm chủ. Đến ngày 17/4/2023 bà T và bà L cùng nhau chốt lại số tiền của các dây huê và ghi thành giấy mượn tiền với số tiền bà L còn nợ bà T là 347.000.000đ và hứa đến tháng 7/2023 sẽ trả trước 120.000.000đ, số còn lại hẹn đến tháng 12/2023 sẽ trả hết cộng với lãi suất theo ngân hàng là 1%/tháng. Nhưng sau đó bà L chỉ trả cho bà T được số tiền 59.210.000đ. Số tiền còn lại bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng:

Bà T và bà L đều thừa nhận việc có chơi huê với nhau là có thật. Sau khi kết thúc các dây huê, ngày 17/4/2023 hai bên đã chốt nợ huê và thống nhất ghi thành giấy mượn tiền, theo đó thì bà L còn nợ của bà T số tiền 347.000.000đ, tính lãi suất là 1%/tháng. Bà T có cung cấp cho Tòa án 01 bản chính Giấy mượn tiền phía cuối có chữ ký, ghi rõ họ tên của bà Nguyễn Thị L.

Quá các chứng cứ mà bà L cung cấp (Chi tiết giao dịch của Ngân hàng Sacombank - Phòng giao dịch X) thể hiện chị Trần Thị Quỳnh C (con gái bà L) có chuyển khoản cho bà T 05 lần với tổng số tiền là 109.210.000đ. Bà L cho rằng đây là số tiền con gái bà chuyển khoản cho bà T để trả nợ gốc và lãi mà bà L còn nợ tiền vay. Tuy nhiên, bà T lại cho rằng thực tế đây là khoản tiền nợ huê nhưng do bà L không trả được nên hai bên thống nhất ghi thành giấy mượn tiền với lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Trong 05 khoản tiền mà chị Như đã chuyển khoản thì có 01 khoản tiền 50.000.000đ chuyển khoản ngày 22/02/2023 theo bà T thì khoản tiền này hai bên đã tính toán và đã trừ xong trước khi chốt nợ ngày 17/4/2023 nên không tính, còn 04 lần chuyển tiền vào các ngày 19/5/2023, ngày 20/6/2023, ngày 12/7/2023, ngày 14/8/2023 tổng số tiền 59.210.000đ bà T thừa nhận và đồng ý trừ vào số tiền mà bà L còn nợ.

Ngoài các số tiền trên, bà L còn trình bày bà có nhờ em chồng là bà Trần Thị Thanh Thúy chuyển trả tiền huê 50.000.000đ cho bà T nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, bà T cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T đối với bà Nguyễn Thị L; Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Phạm Thị Ngọc T số tiền huê còn nợ là 287.790.000đ.

[3] Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, bà Nguyễn Thị L phải chịu 14.389.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị Ngọc T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T đối với bà Nguyễn Thị L về việc “*Tranh chấp về nợ hụi*”.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc T số tiền là 287.790.000đ (*Hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 14.389.500đ (*Mười bốn triệu ba trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị Ngọc T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006784 ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/6/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

